

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 19-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Ông Phạm Công Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2018/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2018/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/HSST-QĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị O, sinh năm 1973, tại H; Nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Tuấn M và bà Nguyễn Thị N; CH: Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Nguyễn Đình H, sinh năm 1979, tại H; Nơi cư trú: Khu H, phường B, thị xã C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy H (đã chết) và bà Trần Thị N; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Phạm Văn C, sinh năm 1982, tại H; Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố ; Nghề nghiệp: Lái xe trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Vợ Vũ Thị H, sinh năm 1983; Có 02 con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

4. Dương Văn Đ, sinh năm 1987; tại H; Nơi cư trú: Thôn G, xã T, thị xã C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn U và bà Trần Thị M; Vợ Phạm Thị N, sinh năm 1994; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

5. Bùi Tuấn D, sinh năm 1986, tại H; Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Đào Thị H; Gia đình có 04 anh em, D là con thứ hai; Vợ con chưa có; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

6. Hà Xuân Q, sinh năm 1987, tại H; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thị xã C tỉnh H; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lái xe; con ông Hà Xuân Q và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Trần Thị L, sinh năm 1989; Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

7. Phạm Văn G, sinh năm 1979, tại H; Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức T và bà Dương Thị L; Vợ Ngô Thị X, có 02 con, lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như nội dung:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 22/9/2018 tổ công tác công an huyện T kết hợp công an xã H phát hiện, bắt quả tang tại quán cơm của chị Vũ Thị O, sinh năm 1973 ở thôn 2, xã H, huyện T, thành phố H các đối tượng Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi “ba cây” được thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 27.400.000 đồng và số tiền 220.000 đồng tiền hồ Vũ Thị O tự nguyện giao nộp; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài; 01 chiếu nhựa kích thước 1,5m x 1,8m. Tạm giữ trong người các đối tượng số tiền 13.631.000 đồng, tổ công tác lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và dẫn giải các đối tượng cùng vật chứng về trụ sở Công an giải quyết.

Tại cơ quan điều tra Vũ Thị O, Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H khai: Vũ Thị O làm chủ kinh doanh quán cơm và phòng nghỉ trọ tại khu công nghiệp Nam Cầu Kiền thuộc địa phận xã H, huyện T, thành phố H. Khoảng 12 giờ, ngày 22/9/2018 Phạm Văn C, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H và Dương Văn Đ ăn cơm tại quán. Sau khi ăn cơm xong C, Q, H, Đ chơi được khoảng 4-5 ván thì Bùi Tuấn D đến, cả nhóm thống nhất chuyển sang chơi đánh “ba cây” được thua bằng tiền. Trước khi chơi cả nhóm thống nhất mỗi người đóng 50.000 đồng được số tiền 250.000 đồng, C cầm tiền mua 03 chai nước hết 30.000 đồng cho cả nhóm sử dụng, số tiền 220.000 đồng còn lại C đưa cho O và nói “để anh em mượn phòng vui chơi tý” O biết đây là số tiền những người đánh bạc góp trả cho O để O cho cả nhóm đánh bạc trong phòng nghỉ tại quán. O

đồng ý và nhận số tiền 220.000 đồng. Sau khi được O đồng ý cho chơi đánh bạc tại quán Cự về phòng cùng Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H, Dương Văn Đ và Bùi Tuấn D chơi “ba cây” được thua bằng tiền. Cả nhóm thống nhất hình thức chơi và tỷ lệ ăn thua được quy định như sau: Bộ bài tứ lơ kho 52 quân được bỏ các quân 10, J, Q, K chất rô, cơ, bích, tép còn lại 36 quân bài mỗi người chơi được chia 03 quân bài để tính điểm, thang điểm là 10, ai cao điểm nhất thì được cầm chương. Người cầm chương chia cho mỗi người chơi 03 quân bài tính điểm, nếu ai cao điểm hơn người cầm chương thì được số tiền của người cầm chương, ai thấp điểm hơn người cầm chương thì phải trả tiền cho người cầm chương, nếu bằng điểm thì sẽ so sánh chấp lần lượt là rô, cơ, tép, bích; người nào được 10 điểm thì sẽ được cầm chương ván tiếp theo. Mỗi ván người chơi được đặt cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, tỷ lệ là 1.1, khi đám bạc đang chơi thì Phạm Văn G đến và cùng tham gia đánh bạc, G đặt tiền vào cửa của D hoặc Đ để đánh bạc với người cầm chương chứ không chơi riêng cửa. Quá trình đánh bạc Phạm Văn C sử dụng 5.285.000 đồng, Phạm Văn G sử dụng 1.600.000 đồng, Bùi Tuấn D sử dụng 4.200.000 đồng, Dương Văn Đ sử dụng 5.365.000 đồng, Hà Xuân Q sử dụng 4.000.000 đồng, Nguyễn Đình H sử dụng 7.200.000 đồng để đánh bạc. Đám bạc chơi đến 15 giờ cùng ngày thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSTN ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Vũ Thị O về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 322 của Bộ luật hình sự và Nguyễn Đình H, Phạm Văn C, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Bùi Tuấn D, Phạm Văn G về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Thị O, Nguyễn Đình H, Phạm Văn C, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Bùi Tuấn D, Phạm Văn G khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Thị O về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 322 của Bộ luật hình sự và Nguyễn Đình H, Phạm Văn C, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Bùi Tuấn D, Phạm Văn G về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự và đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị O từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách; Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Đình H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách; Xử phạt các bị cáo, Phạm Văn C, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q và Bùi Tuấn D từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách; Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s

khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn G từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để giám sát, giáo dục. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước 1,5m x 1,8m; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 27.620.000 đồng là tiền các bị cáo dùng đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/9/2018 bị cáo Vũ Thị O có hành vi cho các bị cáo Nguyễn Đình H, Phạm Văn C, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q và Bùi Tuấn D đánh bạc tại nhà thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình và nhận số tiền 220.000 đồng do các bị cáo trả trong quá trình đánh bạc. Các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H có hành vi đánh bạc tại nhà bị cáo Vũ Thị O dưới hình thức chơi bài ba cây được thua bằng tiền với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 27.620.000 đồng thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang. Với hành vi nêu trên bị cáo Vũ Thị O đã phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 322 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, đánh bạc trái phép là tệ nạn xã hội, cũng là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác nên cần phải có hành phạt nghiêm đúng với tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân từng bị cáo.

[4]. Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, tính chất mức độ hành vi phạm tội và quyết định hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Vũ Thị O còn có bổ đề là ông Vũ Tuấn M được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, nên cần phân hóa vai trò của các đồng phạm khi quyết định hình phạt. Trong vụ án này xác định các bị cáo Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H và Phạm Văn G đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực nên giữ vai trò ngang nhau. Bị cáo G dùng số tiền tham gia đánh bạc thấp hơn so với các bị cáo khác, nên cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn so với Cự, D, Đ, Q, H.

Bị cáo Vũ Thị O là người trực tiếp cho các đối tượng sử dụng nhà mình để đánh bạc cấu thành tội phạm độc lập nên cần áp dụng mức hình phạt cao nhất.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử, xét: Các bị cáo đều có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần áp dụng Điều 65 và Điều 36 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát giáo dục, là đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: khoản 3, Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H và Vũ Thị O còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét các bị đều là lao động tự do, không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng vụ án:

- 01 bộ tú lơ khơ 36 quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước 1,5m x1,8m thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, Phiếu nhập kho ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Đây xác định là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 27.620.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000788, ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Đây xác định là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, nên cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H và Vũ Thị O mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Trong vụ án này cơ quan công an còn thu giữ trên người Phạm Văn G, Phạm Văn C, Bùi Tuấn D, Dương Văn Đ, Hà Xuân Q, Nguyễn Đình H số tiền 13.631.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân, không dùng để đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo sử dụng là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị O phạm tội "Gá bạc"; Xử phạt bị cáo Vũ Thị O 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội "Đánh bạc"; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Đình H cho Ủy ban nhân dân phường Bến Tắm, thị xã C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tuyên bố bị cáo Dương Văn Đ phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Dương Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn D phạm tội "Đánh bạc"; Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn D 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tuyên bố bị cáo Hà Xuân Q phạm tội "Đánh bạc"; Xử phạt bị cáo Hà Xuân Q 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gia thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn G phạm tội "Đánh bạc". Xử phạt bị cáo Phạm Văn G 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 36 quân bài và 01 chiếu nhựa kích thước 1,5m x 1,8m thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, Phiếu nhập kho ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Đây xác định là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 27.620.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000788, ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành phố H.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Các bị cáo Vũ Thị O, Nguyễn Đình H, Phạm Văn C, Dương Văn Đ, Bùi Tuấn D, Hà Xuân Q, Phạm Văn G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

